

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán I.P.A**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 34

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 7 năm 2021 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 3 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 8 tháng 03 năm 2017
22/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 100 tỷ đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 100 tỷ đồng Việt Nam).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đang quản lý ba (03) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF) và Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100). Bên cạnh đó, trong kỳ, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng và Công ty Cổ phần Bkav.

Công ty có Trụ sở chính đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Ông Vũ Hiền được bổ nhiệm làm Chủ tịch Công ty theo Quyết định số 89-2/2017 ngày 10 tháng 03 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Bà Nguyễn Hồ Nga	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thúy Lan	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Vũ Hiền, chức danh: Chủ tịch Công ty.

Bà Nguyễn Hồ Nga được ông Vũ Hiền ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 68/2022/UQ ngày 20 tháng 05 năm 2022 của Chủ tịch Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2023

Số tham chiếu: 61607705/67573480-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0763-2019-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	TÀI SẢN			
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		137.110.102.845	148.709.060.552
110	I. Tiền và tương đương tiền	5	2.772.449.911	9.138.184.015
111	1. Tiền		178.698.460	136.328.383
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.593.751.451	9.001.855.632
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	132.282.088.325	137.657.147.846
121	1. Đầu tư ngắn hạn		132.282.088.325	137.657.147.846
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.004.389.641	1.787.327.752
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7	753.860.901	712.908.172
135	3. Các khoản phải thu khác	8	1.465.528.740	1.289.419.580
	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(215.000.000)	(215.000.000)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		51.174.968	126.400.939
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	36.782.018	126.400.939
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		14.392.950	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		123.819.163	198.553.003
250	I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
253	2. Đầu tư dài hạn khác		4.600.000.000	4.600.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(4.600.000.000)	(4.600.000.000)
260	II. Tài sản dài hạn khác		123.819.163	198.553.003
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		113.819.163	121.855.878
268	2. Tài sản dài hạn khác	11	10.000.000	76.697.125
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		137.233.922.008	148.907.613.555
	NGUỒN VỐN			
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.928.680.383	13.297.875.592
310	I. Nợ ngắn hạn		2.737.231.067	13.106.426.276
312	1. Phải trả người bán	12	51.199.165	4.314.824.737
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	211.377.457	5.077.315.211
315	3. Phải trả người lao động		-	1.228.333.333
316	4. Chi phí phải trả		59.400.000	88.000.000
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	2.415.254.445	2.397.952.995
330	II. Nợ dài hạn		191.449.316	191.449.316
335	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		191.449.316	191.449.316
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	134.305.241.625	135.609.737.963
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		-	1.916.896.584
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.916.896.584	1.916.896.584
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32.388.345.041	31.775.944.795
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		137.233.922.008	148.907.613.555

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
6	1. Chứng khoán lưu ký của Công ty Quản lý Quỹ	16	137.018.000.000	125.564.000.000
	Trong đó:			
7	1.1. Chứng khoán giao dịch		137.018.000.000	37.092.800.000
11	1.2. Chứng khoán chờ thanh toán		-	88.471.200.000
20	2. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty Quản lý quỹ		4.500.000.000	4.500.000.000
30	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	17	1.393.751	1.395.531
31	3.1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		1.393.751	1.395.531
32	3.2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		-	-
40	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	18	671.530.130.000	671.530.130.000
41	4.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		671.530.130.000	671.530.130.000
41	4.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		-	-
50	5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		4.308.102.400	-
51	6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	19	213.880.282	206.887.860

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
1	1. Doanh thu		3.470.994.111	9.013.934.874
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	20	3.470.994.111	9.013.934.874
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	9.003.910.601	5.066.437.057
20	5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(5.532.916.490)	3.947.497.817
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.797.712.981	4.967.172.474
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	23	18.580.628	9.637.664.327
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	1.550.712.201	2.282.954.704
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.304.496.338)	(3.005.948.740)
31	10. Thu nhập khác		-	-
32	11. Chi phí khác		-	-
40	12. Lợi nhuận khác		-	-
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(1.304.496.338)	(3.005.948.740)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(1.304.496.338)	(3.005.948.740)

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế		(1.304.496.338)	(3.005.948.740)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(5.797.712.981)	517.380.560
3	- Các khoản chi phí/(hoàn nhập) dự phòng		-	1.301.020.132
5	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.797.712.981)	(783.639.572)
8	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(7.102.209.319)	(2.488.568.180)
9	- Giảm các khoản phải thu		15.360.539	62.068.697
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho (chứng khoán kinh doanh)		(12.624.940.479)	5.638.053.492
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(6.453.070.840)	32.393.036
12	- Giảm chi phí trả trước		97.655.636	5.352.779
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.916.124.369)	(24.061.239)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(29.983.328.832)	3.225.238.585
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		18.000.000.000	
26	3. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác			20.000.000.000
27	4. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		5.617.594.728	1.453.095.187
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		23.617.594.728	21.453.095.187
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.365.734.104)	24.678.333.772
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	5	9.138.184.015	5.086.560.727
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	2.772.449.911	29.764.894.499

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2023

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

B05a-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2022	Ngày 1 tháng 1 năm 2023	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	15	1.916.896.584	1.916.896.584	-	-	-	(1.916.896.584)	1.916.896.584	-
3. Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	15	1.916.896.584	1.916.896.584	-	-	-	-	1.916.896.584	1.916.896.584
4. Lợi nhuận chưa phân phối	15	15.296.732.469	31.775.944.795	-	(3.005.948.740)	1.916.896.584	(1.304.496.338)	12.290.783.729	32.388.345.041
Tổng cộng		119.130.525.637	135.609.737.963	-	(3.005.948.740)	1.916.896.584	(3.221.392.922)	116.124.576.897	134.305.241.625

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thủy Lan
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2023



Người phê duyệt

Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 100 tỷ đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty đang quản lý ba (03) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF) và Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100). Bên cạnh đó, trong kỳ, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng và Công ty Cổ phần Bkav.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có Trụ sở chính đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 20 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Công ty cũng lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày gửi, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư

Chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán tự doanh bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chứng khoán tự doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại bằng hoặc dưới mười hai (12) tháng, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba tháng đã bao gồm trong Tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư vào trái phiếu chính phủ được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng trên ba (3) tháng đến mười hai (12) tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản đầu tư dài hạn khác có kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng.

Các chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các kỳ kế toán tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

4.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Lợi ích nhân viên

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư 28/2015/TT-BLĐTBXH Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.10 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.11 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Tiền	178.698.460	136.328.383
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi không kỳ hạn	178.698.460	136.328.383
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	24.860.350	45.126.052
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Phòng giao dịch Yết Kiêu	153.838.110	91.202.331
Các khoản tương đương tiền	2.593.751.451	9.001.855.632
- Tiền gửi giao dịch chứng khoán tại Công ty Cổ phần chứng khoán VNDirect	2.593.751.451	787.365.429
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	-	8.214.490.203
Tổng cộng	2.772.449.911	9.138.184.015

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Đầu tư ngắn hạn (i)	132.282.088.325	137.657.147.846
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (ii)	-	-
Tổng cộng	132.282.088.325	137.657.147.846

(i) Chi tiết đầu tư ngắn hạn bao gồm:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>VND</i>	<i>Cổ phiếu</i>	<i>VND</i>
Đầu tư ngắn hạn				
Cổ phiếu niêm yết	3.209.280	25.406.800.000	3.209.280	25.406.800.000
Trái phiếu niêm yết	1.049.252	106.875.288.325	934.712	94.250.347.846
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	18.000.000.000
Tổng cộng	4.258.532	132.282.088.325	4.143.992	137.657.147.846

(ii) Biến động dự phòng trong kỳ/năm như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	-	21.037.388
Trích lập trong kỳ	-	3.541.790.260
Hoàn nhập trong kỳ	-	(3.562.827.648)
Số cuối kỳ	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư và phí thường (i)	181.133.464	171.487.430
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán (ii)	572.727.437	541.420.742
Tổng cộng	753.860.901	712.908.172

(i) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty được hưởng tỷ lệ phí quản lý không quá 2% trên giá trị tài sản ròng hoặc giá trị giao dịch thành công. Ngoài ra, Công ty được hưởng phí thường khi Danh mục vượt ngưỡng lợi nhuận kỳ vọng quy định cụ thể trong hợp đồng quản lý Danh mục đầu tư.

(ii) Theo quy định tại Điều lệ Quỹ của các quỹ đầu tư được quản lý bởi Công ty, Công ty sẽ được hưởng phí quản lý như sau:

<i>Quỹ được quản lý</i>	<i>Tỷ lệ phí quản lý quỹ/năm</i>
Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF)	1,50%
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF)	1,10%
Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100)	0,60%

Theo đó, phí quản lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá và thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Tỷ lệ phí có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Phải thu từ cổ tức	215.000.000	215.000.000
Phải thu từ trái tức	1.137.364.832	153.904.109
Phải thu lãi tiền gửi	-	803.342.470
Các khoản phải thu khác	113.163.908	117.173.001
Tổng cộng	1.465.528.740	1.289.419.580

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Chi phí thuê văn phòng	-	86.192.827
Chi phí mua bảo hiểm AON - PTI	10.052.028	40.208.112
Chi phí phân bổ ngắn hạn khác	26.729.990	-
Tổng cộng	36.782.018	126.400.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Tỷ lệ đầu tư</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
		<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
		<i>Cổ phiếu</i>	<i>VND</i>	<i>Cổ phiếu</i>	<i>VND</i>
Đầu tư dài hạn khác		450.000	4.600.000.000	450.000	4.600.000.000
- Cổ phiếu không niêm yết: Công ty Cổ phần Giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	15%	450.000	4.600.000.000	450.000	4.600.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (i)		-	(4.600.000.000)	-	(4.600.000.000)
Tổng cộng		450.000	-	450.000	-

(i) Các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Cổ phiếu không niêm yết: Công ty Cổ phần Giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	4.600.000.000	4.600.000.000
Tổng cộng	4.600.000.000	4.600.000.000

Biến động các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	4.600.000.000	4.600.000.000
Trích lập trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	4.600.000.000	4.600.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	-	66.697.125
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	10.000.000
Tổng cộng	10.000.000	76.697.125

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Công ty CP chứng khoán VNDirect	35.890.786	45.368.768
Công ty CP Công nghệ IVND	-	4.254.000.000
Đối tượng khác	15.308.379	15.455.969
Tổng cộng	51.199.165	4.314.824.737

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số dư đầu kỳ</i>	<i>Số phải nộp</i>	<i>Số đã nộp</i>	<i>Số dư cuối kỳ</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.916.124.369	-	(3.916.124.369)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.161.190.842	686.643.600	(1.636.456.985)	211.377.457
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Tổng cộng	5.077.315.211	689.643.600	(5.555.581.354)	211.377.457

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Kinh phí Công đoàn	164.334.445	143.534.445
Phải trả tiền tạm ứng cổ tức đã nhận	2.250.000.000	2.250.000.000
Phải trả, phải nộp khác	920.000	4.418.550
Tổng cộng	2.415.254.445	2.397.952.995

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	100.000.000.000	1.916.896.584	1.916.896.584	15.296.732.469	119.130.525.637
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	16.479.212.326	16.479.212.326
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	100.000.000.000	1.916.896.584	1.916.896.584	31.775.944.795	135.609.737.963
Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	100.000.000.000	1.916.896.584	1.916.896.584	31.775.944.795	135.609.737.963
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(1.304.496.338)	(1.304.496.338)
Hoàn nhập Quỹ dự phòng tài chính (*)	-	(1.916.896.584)	-	1.916.896.584	-
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	100.000.000.000	-	1.916.896.584	32.388.345.041	134.305.241.625

(*) Theo Quyết định số 77-1/2023/QĐ-CT ngày 15 tháng 06 năm 2023 về việc hoàn nhập Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHỨNG KHOÁN LƯU KÝ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Chứng khoán giao dịch	4.258.532	137.018.000.000	3.259.280	37.092.800.000
Chứng khoán chờ thanh toán	0	0	884.712	88.471.200.000
Tổng cộng	4.258.532	137.018.000.000	4.143.992	125.564.000.000

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Số dư đầu kỳ	1.395.531	421.636.521
Số tăng trong kỳ	20.766.574.265	1.578.274.765.559
Số giảm trong kỳ	(20.766.576.045)	(1.578.695.006.549)
Số dư cuối kỳ	1.393.751	1.395.531

Trong đó:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty cổ phần Bkav		
Số dư đầu kỳ	516.428	620.256
Số tăng trong kỳ	95.614.517	121.179.183
Số giảm trong kỳ	(95.606.141)	(121.283.011)
Số dư cuối kỳ	524.804	516.428

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng		
Số dư đầu kỳ	879.103	-
Số tăng trong kỳ	20.670.959.748	300.001.001.103
Số giảm trong kỳ	(20.670.969.904)	(300.000.122.000)
Số dư cuối kỳ	868.947	879.103

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nhà đầu tư cá nhân 1		
Số dư đầu kỳ	-	71.973.215
Số tăng trong kỳ	-	150.691.602.779
Số giảm trong kỳ	-	(150.763.575.994)
Số dư cuối kỳ	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Nhà đầu tư cá nhân 2		
Số dư đầu kỳ	-	75.285.167
Số tăng trong kỳ	-	282.271.584.121
Số giảm trong kỳ	-	(282.346.869.288)
Số dư cuối kỳ	-	-
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Nhà đầu tư cá nhân 3		
Số dư đầu kỳ	-	73.279.546
Số tăng trong kỳ	-	101.457.963.544
Số giảm trong kỳ	-	(101.531.243.090)
Số dư cuối kỳ	-	-
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Nhà đầu tư cá nhân 4		
Số dư đầu kỳ	-	47.236.967
Số tăng trong kỳ	-	9.621.544.218
Số giảm trong kỳ	-	(9.668.781.185)
Số dư cuối kỳ	-	-
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Nhà đầu tư cá nhân 5		
Số dư đầu kỳ	-	73.869.108
Số tăng trong kỳ	-	367.786.640.194
Số giảm trong kỳ	-	(367.860.509.302)
Số dư cuối kỳ	-	-
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Nhà đầu tư cá nhân 6		
Số dư đầu kỳ	-	79.372.262
Số tăng trong kỳ	-	366.323.250.417
Số giảm trong kỳ	-	(366.402.622.679)
Số dư cuối kỳ	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	671.530.130.000	671.530.130.000
- Cổ phiếu niêm yết	290.753.210.000	290.753.210.000
<i>Trong đó, các mã cổ phiếu bị giảm giá:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Cổ phiếu chưa niêm yết	380.776.920.000	380.776.920.000
<i>Trong đó, các mã cổ phiếu bị giảm giá:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng cộng	671.530.130.000	671.530.130.000

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư	181.133.464	171.487.430
Phải trả phí lưu ký tại Ngân hàng	32.746.818	35.400.430
Tổng cộng	213.880.282	206.887.860

20. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	418.930.151	5.545.881.890
Doanh thu từ phí quản lý quỹ mở	2.745.700.297	2.649.109.137
Doanh thu từ phí giao dịch CCQ	306.363.663	818.943.847
Tổng cộng	3.470.994.111	9.013.934.874

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>
Chi phí nhân viên	2.654.519.041	4.075.724.490
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	6.349.391.560	990.712.567
Tổng cộng	9.003.910.601	5.066.437.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	4.183.532.902
Cổ tức được nhận	-	54.915.000
Lãi trái phiếu	5.228.164.373	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	569.548.608	728.724.572
Tổng cộng	5.797.712.981	4.967.172.474

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>
Lỗ kinh doanh chứng khoán	-	7.820.301.394
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	-	1.301.020.132
Phí giao dịch chứng khoán	12.189.901	507.174.507
Chi phí tài chính khác	6.390.727	9.168.294
Tổng cộng	18.580.628	9.637.664.327

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>
Chi phí nhân viên	1.051.299.998	1.862.439.421
Chi phí thuê văn phòng	199.315.536	191.266.011
Chi phí đồ dùng văn phòng	23.089.765	5.009.236
Thuế, phí và lệ phí	20.117.571	14.254.708
Chi phí phân bổ CCDC, phần mềm	32.667.488	32.667.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	224.221.843	177.317.824
Tổng cộng	1.550.712.201	2.282.954.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.304.496.338)	(3.005.948.740)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	-	(54.915.000)
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(54.915.000)
- Doanh thu không chịu thuế - Cổ tức	-	(54.915.000)
- Lỗ tính thuế năm trước chuyển sang	-	-
Lỗ chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	(1.304.496.338)	(3.060.863.740)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN còn phải nộp cuối kỳ	-	-

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng trong công tác quản trị của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như tổng hợp dưới đây.

26.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khác, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày lập báo cáo này, giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết mà Công ty đang nắm giữ là 48.460.128.000 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 20% của chỉ số chứng khoán niêm yết có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

26.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Tại ngày báo cáo, các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Phân tích và Đầu tư chứng khoán theo chính sách của Công ty.

Đơn vị tính: VND

	<i>Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá</i>	<i>Đã quá hạn và chưa bị giảm giá</i>	<i>Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.772.449.911	-	-	2.772.449.911
Các khoản đầu tư ngắn hạn	132.282.088.325	-	-	132.282.088.325
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.004.389.641	-	-	2.004.389.641
Chi phí trả trước	36.782.018	-	-	36.782.018
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	4.600.000.000	4.600.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	113.819.163	-	-	113.819.163
Tài sản dài hạn khác	10.000.000	-	-	10.000.000
Tổng cộng	137.219.529.058	-	4.600.000.000	141.819.529.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Không kỳ hạn	Đến 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.772.449.911	-	-	-	2.772.449.911
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	132.282.088.325	-	-	-	132.282.088.325
Phải thu nghiệp vụ khác	753.860.901	-	-	-	753.860.901
Các khoản phải thu khác	1.137.364.832	113.163.908	-	215.000.000	1.465.528.740
Tài sản ngắn hạn khác	51.174.968	-	-	-	51.174.968
Tài sản dài hạn khác	113.819.163	-	-	-	113.819.163
Tổng tài sản	137.110.758.100	113.163.908	-	215.000.000	137.438.922.008
Nợ phải trả					
Phải trả người bán	51.199.165	-	-	-	51.199.165
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	211.377.457	-	-	-	211.377.457
Chi phí phải trả	-	59.400.000	-	-	59.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.415.254.445	-	-	-	2.415.254.445
Tổng nợ phải trả	2.677.831.067	59.400.000	-	-	2.737.231.067
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	134.432.927.033	53.763.908	-	215.000.000	134.701.690.941

26.4 Tài sản đảm bảo

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn và không sử dụng bất kỳ tài sản nào của Công ty nhằm đảm bảo cho bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Công ty mẹ	Vốn góp Tiền gửi giao dịch chứng khoán Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư Phải trả phí giao dịch phát hành/ mua lại CCQ cho đại lý phân phối Danh mục đầu tư ủy thác	100.000.000.000 2.593.751.451 75.209.524 35.890.786 290.753.210.000	100.000.000.000 787.365.429 54.952.183 45.368.768 290.753.210.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Chủ tịch Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan	Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	25.406.800.000
Quỹ Đầu tư Chủ động VND	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ mở Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí phát hành/mua lại CCQ	292.402.910 57.733.490 63.323.995	276.689.002 58.524.539 49.848.790
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ mở Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí phát hành/mua lại CCQ	151.060.151 37.430.418 1.718.104	150.506.252 40.648.462 2.615.773
Quỹ ETF IPAAM VN100	Quỹ được quản lý	Phải thu quản lý Quỹ mở Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ	64.222.277 18.000.000	61.760.925 18.000.000

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</u>	<u>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Công ty mẹ	Phí quản lý danh mục đầu tư Lãi tài khoản giao dịch chứng khoán Phí giao dịch và phí lưu ký Phí đại lý bổ sung, phí giao dịch quỹ mở VNDAF Phí đại lý bổ sung, phí giao dịch quỹ mở VNDBF Phí đại lý bổ sung quỹ ETF IPAAM VN100	229.812.444 655.855 18.580.628 202.941.047 24.689.726	4.359.207.901 12.892.207 516.342.801 702.035.470 29.032.604
Quỹ Đầu tư Chủ động VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở Phí giao dịch quỹ mở Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí phát hành/mua lại CCQ trả hộ cho đại lý phân phối	1.725.548.962 234.113.613 178.768.677	1.805.082.855 533.192.952 102.828.265
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở Phí giao dịch quỹ mở Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí phát hành/mua lại CCQ trả hộ cho đại lý phân phối	296.251.846 893.563.237 7.509.685	210.741.014 670.573.614 71.865.527
Quỹ ETF IPAAM VN100	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	155.737.863 24.689.726	76.423.869 3.144.354
			126.588.098	173.452.668
			74.700.000	18.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của thành viên Ban Điều hành

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác	725.000.000	1.443.000.000
Tổng cộng	725.000.000	1.443.000.000

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đến 1 năm	-	335.577.447
Từ 1 đến 5 năm	-	114.923.783
Tổng cộng	-	450.501.231

Các khoản tiền thuê cam kết ước tính tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng còn hiệu lực vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

29. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ

	Giá trị
Hoạt động quản lý quỹ	
Tổng số quỹ hoạt động quản lý	3
Tổng số vốn của các quỹ đang thực hiện quản lý	354.866.776.000
Số lượng quỹ lập trong kỳ	-
Số lượng quỹ đóng trong kỳ	-
Phí quản lý quỹ trong kỳ (1)	2.745.700.297
Phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ mở (2)	306.363.663
Hoạt động quản lý danh mục đầu tư	
Tổng số hợp đồng còn hiệu lực đầu kỳ	3
Số hợp đồng ký trong kỳ	-
Số hợp đồng thanh lý trong kỳ	-
Tổng số hợp đồng đã ký còn hiệu lực thực hiện	3
Phí quản lý danh mục đầu tư và phí thưởng (3)	418.930.151
Tổng phí quản lý thu được từ hoạt động quản lý (1)+(2)+(3)	3.470.994.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	0,09%	0,13%
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	99,91%	99,87%
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản (Nợ phải trả/ Tổng tài sản)	%	2,13%	8,93%
Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	Lần	50,09	11,35
Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	50,09	11,35
Khả năng thanh toán bằng tiền (Tiền và các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,01	0,70
		Cho kỳ sáu tháng năm 2023	Cho kỳ sáu tháng năm 2022
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	-37,58%	-33,35%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	%	-0,95%	-2,51%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	%	-0,97%	-2,59%



31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2023